UBND TP. CẦN THƠ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ



UBND TP. CẦN THƠ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ



MỤC LỤC

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU 1

1. Khái niệm 2

2. Điều kiện bảo hộ 3

3. Dấu hiệu không được bảo hộ nhãn hiệu 3

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu 5

5. Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu 6

6. Phí, lệ phí 7

7. Hình thức nộp đơn 8

8. Quy trình nộp đơn 10

PHẦN 2. HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ 11

1. Khái niệm 12

2. Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý 12

3. Điều kiện bảo hộ của chỉ dẫn địa lý 13

4. Đối tượng không được bảo hộ chỉ dẫn địa lý 13

5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý 14

6. Hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý 14

7. Phí, lệ phí 15

8. Hình thức nộp đơn 16

9. Quy trình nộp đơn 18

PHỤ LỤC. MẪU TỜ KHAI, PHÍ VÀ LỆ PHÍ 19

PHẦN 1.

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
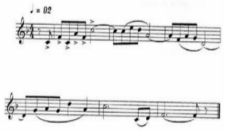


1. Khái niệm

1.1. Khái niệm

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

1.2. Phân loại

STT	TÊN GỌI	NHÃN HIỆU MINH HỌA
1	**Nhãn hiệu thông thường** là dấu hiệu có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác.	
2	**Nhãn hiệu tập thể** là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.	
3	**Nhãn hiệu chứng nhận** là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.	

4	**Nhãn hiệu âm thanh** là dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa.	
5	**Nhãn hiệu ba chiều** còn gọi là **nhãn hiệu lập thể**, là hình dạng thể hiện trong không gian ba chiều: dài, rộng và cao.	Mercedes-Benz
6	**Nhãn hiệu nổi tiếng** là nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam.	Vinamilk EST 1976

2. Điều kiện bảo hộ

- **Là dấu hiệu nhìn thấy được** dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc hoặc dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa.

- **Có khả năng phân biệt** hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác.

3. Dấu hiệu không được bảo hộ nhãn hiệu

- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của các nước, quốc tế ca.





- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép.





- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thật, biệt hiệu, bút danh, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam, của nước ngoài.

HỒ CHÍ MINH **LENIN**

- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành của tổ chức quốc tế mà tổ chức đó có yêu cầu không được sử dụng, trừ trường hợp chính tổ chức này đăng ký các dấu đó làm nhãn hiệu chứng nhận.




- Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ.

Made in USA **Sản xuất tại Châu ÂU**

- Dấu hiệu là hình dạng vốn có của hàng hóa hoặc do đặc tính kỹ thuật của hàng hóa bắt buộc phải có.



- Dấu hiệu chứa bản sao tác phẩm, trừ trường hợp được phép của chủ sở hữu tác phẩm đó.





4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết mười năm **(10 năm) kể từ ngày nộp đơn**, có thể **gia hạn nhiều lần** liên tiếp, mỗi lần mười năm (10 năm).



5. Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu

5.1. Tài liệu tối thiểu



Trường hợp hồ sơ đăng ký nhãn hiệu là nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận, ngoài các tài liệu tối thiểu nêu trên, hồ sơ đăng ký cần phải có thêm các tài liệu sau:

- Quy chế sử dụng;
- Bản thuyết minh về tính chất, chất lượng đặc trưng của sản phẩm mang nhãn hiệu;
- Bản đồ khu vực địa lý;
- Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép sử dụng địa danh.

5.2. Các tài liệu khác (nếu có)

- Giấy uỷ quyền (nếu nộp thông qua các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp);
- Tài liệu xác nhận được phép sử dụng dấu hiệu đặc biệt (biểu tượng, cờ, huy hiệu của cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế…);
- Tài liệu chứng minh quyền đăng ký (nếu thụ hưởng của người khác);
- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên (nếu có yêu cầu).

5.3. Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký nhãn hiệu

- Tài liệu phải được trình bày trên một mặt giấy khổ A4, bản đồ khu vực địa lý có thể được trình bày trên mặt giấy khổ A3;
- Mỗi trang phải ghi số thứ tự trang đó bằng chữ số Ả-rập;
- Tài liệu phải được đánh máy, trình bày rõ ràng, không tẩy xóa;
- Tài liệu dưới dạng điện tử phải được định dạng ".pdf";
- Thuật ngữ dùng trong đơn là thuật ngữ phổ thông. Ký hiệu, đơn vị đo lường, phông chữ điện tử, quy tắc chính tả dùng trong đơn phải theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam;
- Tài liệu phải được làm bằng tiếng Việt;
- Tờ khai và các tài liệu khác của đơn phải đảm bảo đầy đủ các thông tin bắt buộc và thống nhất.

6. Phí, lệ phí



Để đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn phải nộp các khoản phí và lệ phí quy định.

- **Lần 1 (nộp cùng đơn đăng ký):** Lệ phí nộp đơn, Phí phân loại quốc tế, Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, Phí công bố đơn, Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn, Phí thẩm định đơn.
- **Lần 2 (khi có thông báo cấp văn bằng):** Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Phí công bố Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Phí đăng bạ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Phí sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

7. Hình thức nộp đơn

Người nộp đơn có thể lựa chọn hình thức nộp đơn giấy hoặc hình thức nộp đơn trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của Cục Sở hữu trí tuệ, cụ thể:

7.1. Hình thức nộp đơn giấy



Người nộp đơn có thể nộp đơn đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ của bưu điện đến một trong các điểm tiếp nhận đơn của Cục Sở hữu trí tuệ:

- Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;

- Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;

- Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng.

*(**Lưu ý:** Khi chuyển tiền phí, lệ phí đến một trong các điểm tiếp nhận đơn nêu trên của Cục Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn cần gửi hồ sơ qua bưu điện tương ứng đến điểm tiếp nhận đơn đó).*

7.2. Hình thức nộp đơn trực tuyến



- Điều kiện để nộp đơn trực tuyến: Người nộp đơn **cần có chứng thư số và chữ ký số, đăng ký tài khoản** trên Hệ thống tiếp nhận đơn trực tuyến và được Cục Sở hữu trí tuệ phê duyệt tài khoản.

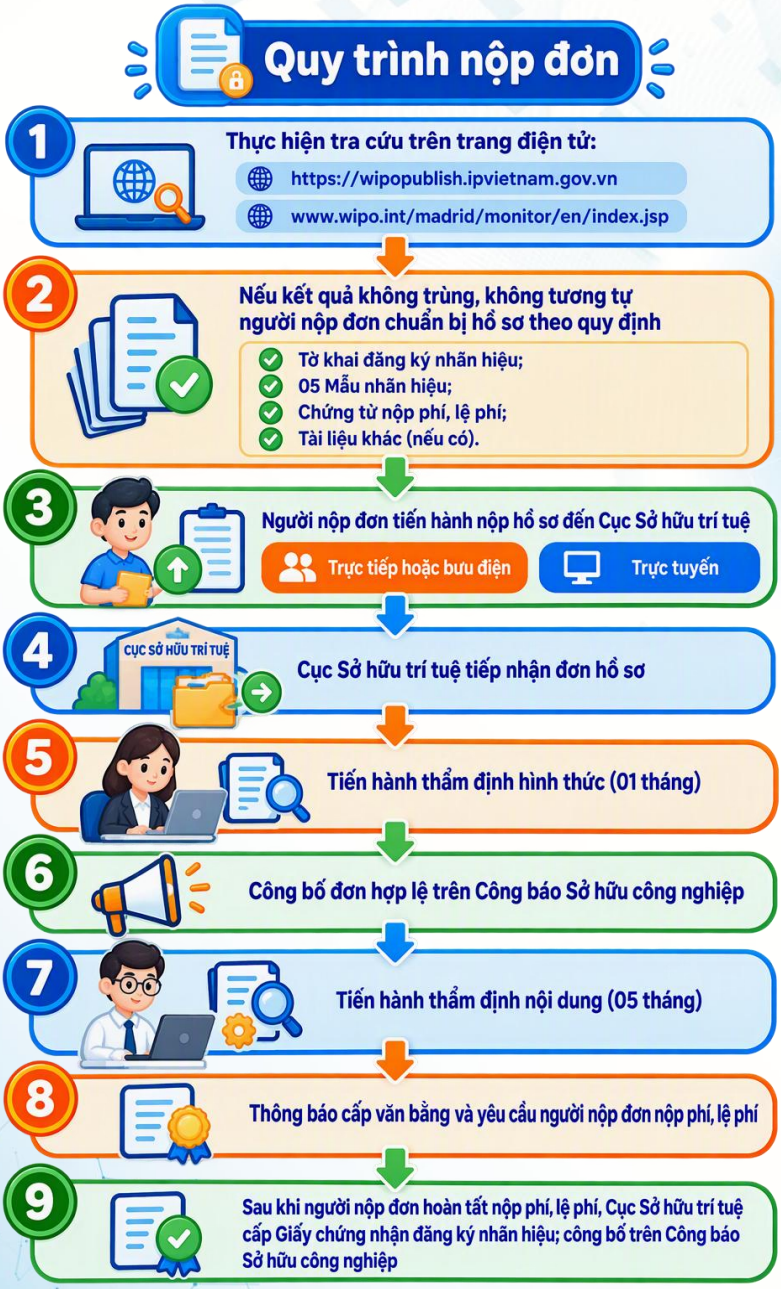
- Trình tự nộp đơn trực tuyến:

+ Người nộp đơn cần thực hiện việc khai báo, nộp phí và gửi đơn đăng ký trên Hệ thống, sau khi hoàn thành Hệ thống sẽ gửi lại cho người nộp đơn Phiếu xác nhận.

+ Nếu tài liệu và phí/lệ phí đầy đủ theo quy định, cán bộ nhận đơn sẽ cấp số đơn vào Tờ khai trên Hệ thống, nếu không đủ tài liệu và phí/lệ phí theo quy định thì sẽ từ chối tiếp nhận.

+ Trong trường hợp Người nộp đơn không hoàn tất thủ tục nộp đơn theo quy định, tài liệu trực tuyến sẽ bị hủy và Thông báo hủy tài liệu trực tuyến được gửi cho Người nộp đơn trên Hệ thống.

8. Quy trình nộp đơn



PHẦN 2.

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ



1. Khái niệm

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể.

Chỉ dẫn địa lý đồng âm là các chỉ dẫn địa lý có cách phát âm hoặc cách viết trùng nhau.

Chỉ dẫn địa lý Khóm cầu đúc Hậu Giang	Chỉ dẫn địa lý Artemia Vĩnh Châu
	
Chỉ dẫn địa lý Hành tím Vĩnh Châu	
 *Logo tiếng Việt*	 *Logo tiếng Anh*

2. Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý

- Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của Việt Nam **thuộc về Nhà nước**. Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá

nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không trở thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ thể quyền đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật của nước xuất xứ có quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý đó tại Việt Nam.

3. Điều kiện bảo hộ của chỉ dẫn địa lý

3.1. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia tương ứng với chỉ dẫn địa lý;

- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

3.2. Chỉ dẫn địa lý đồng âm đáp ứng 02 điều kiện quy định nêu trên:

Được bảo hộ nếu chỉ dẫn địa lý đó được sử dụng trên thực tế theo cách thức không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và bảo đảm nguyên tắc đối xử công bằng giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó.

4. Đối tượng không được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Đối tượng **KHÔNG** được bảo hộ chỉ dẫn địa lý:

- Tên gọi, chỉ dẫn đã trở thành tên gọi chung của hàng hóa theo nhận thức của người tiêu dùng có liên quan trên lãnh thổ Việt Nam;

- Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài mà tại nước đó chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ, đã bị chấm dứt bảo hộ hoặc không còn được sử dụng;

- Chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ hoặc đã được nộp theo đơn đăng ký nhãn hiệu có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa;

- Chỉ dẫn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý thực của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó.

5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý

Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam và có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý

6.1. Tài liệu tối thiểu

- Tờ khai đăng ký chỉ dẫn địa lý.

- Bản mô tả tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và các yếu tố đặc trưng của điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm đó (sau đây gọi là bản mô tả tính chất đặc thù).

- Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

- Mẫu chỉ dẫn địa lý trong trường hợp chỉ dẫn địa lý không phải là từ ngữ (05 mẫu trong trường hợp đơn được nộp dưới dạng giấy).

- Tài liệu chứng minh chỉ dẫn địa lý đang được được bảo hộ tại nước có chỉ dẫn địa lý đó, nếu là chỉ dẫn địa lý của nước ngoài.

- Tài liệu thuyết minh về điều kiện sử dụng và cách thức trình bày chỉ dẫn địa lý để bảo đảm khả năng phân biệt giữa các chỉ dẫn địa lý trong trường hợp chỉ dẫn địa lý đăng ký là chỉ dẫn địa lý đồng âm.

- Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện).

- Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

- Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí.

6.2. Yêu cầu đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý

- Tài liệu phải được trình bày trên một mặt giấy khổ A4, bản đồ khu vực địa lý có thể được trình bày trên mặt giấy khổ A3;
- Mỗi trang phải ghi số thứ tự trang đó bằng chữ số Ả-rập;
- Tài liệu phải được đánh máy, trình bày rõ ràng, không tẩy xóa;
- Tài liệu dưới dạng điện tử phải được định dạng ".pdf";
- Thuật ngữ dùng trong đơn là thuật ngữ phổ thông. Ký hiệu, đơn vị đo lường, phông chữ điện tử, quy tắc chính tả dùng trong đơn phải theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam;
- Tài liệu phải được làm bằng tiếng Việt;
- Tờ khai và các tài liệu khác của đơn phải đảm bảo đầy đủ các thông tin bắt buộc và thống nhất.

7. Phí, lệ phí



Để đăng ký chỉ dẫn địa lý, người nộp đơn phải nộp các khoản phí và lệ phí quy định.

- **Lần 1 (nộp cùng đơn đăng ký):** Lệ phí nộp đơn, Phí công bố đơn, Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn, Phí thẩm định đơn.
- **Lần 2 (khi có thông báo cấp bằng):** Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, Phí công bố Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, Phí đăng bạ Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý.

8. Hình thức nộp đơn

Người nộp đơn có thể lựa chọn hình thức nộp đơn giấy hoặc hình thức nộp đơn trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của Cục Sở hữu trí tuệ, cụ thể:

8.1. Hình thức nộp đơn giấy



Người nộp đơn có thể nộp đơn đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ của bưu điện đến một trong các điểm tiếp nhận đơn của Cục Sở hữu trí tuệ:

- Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;

- Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;

- Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng.

*(**Lưu ý:** Khi chuyển tiền phí, lệ phí đến một trong các điểm tiếp nhận đơn nêu trên của Cục Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn cần gửi hồ sơ qua bưu điện tương ứng đến điểm tiếp nhận đơn đó).*

8.2. Hình thức nộp đơn trực tuyến



- Điều kiện để nộp đơn trực tuyến: Người nộp đơn **cần có chứng thư số và chữ ký số, đăng ký tài khoản** trên Hệ thống tiếp nhận đơn trực tuyến và được Cục Sở hữu trí tuệ phê duyệt tài khoản.

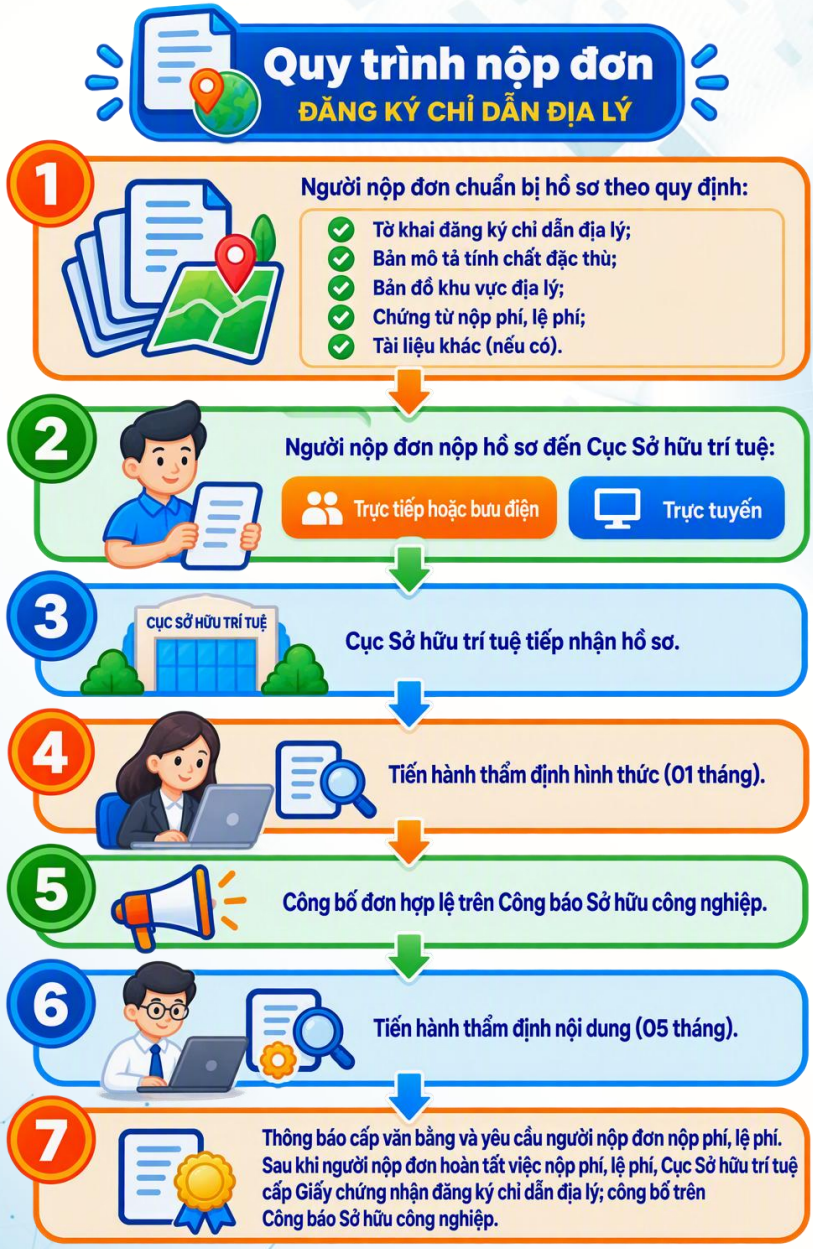
- Trình tự nộp đơn trực tuyến:

+ Người nộp đơn cần thực hiện việc khai báo, nộp phí và gửi đơn đăng ký trên Hệ thống, sau khi hoàn thành Hệ thống sẽ gửi lại cho người nộp đơn Phiếu xác nhận.

+ Nếu tài liệu và phí/lệ phí đầy đủ theo quy định, cán bộ nhận đơn sẽ cấp số đơn vào Tờ khai trên Hệ thống, nếu không đủ tài liệu và phí/lệ phí theo quy định thì sẽ từ chối tiếp nhận.

+ Trong trường hợp Người nộp đơn không hoàn tất thủ tục nộp đơn theo quy định, tài liệu trực tuyến sẽ bị hủy và Thông báo hủy tài liệu trực tuyến được gửi cho Người nộp đơn trên Hệ thống.

9. Quy trình nộp đơn



PHỤ LỤC. MẪU TỜ KHAI, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

STT	NỘI DUNG	MÃ QR
1	Tờ khai đăng ký nhãn hiệu	
2	Phí, lệ phí đăng ký nhãn hiệu	
3	Tờ khai đăng ký chỉ dẫn địa lý	
4	Phí, lệ phí đăng ký chỉ dẫn địa lý	

Đơn vị thực hiện:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. CẦN THƠ

Số 02 Lý Thường Kiệt, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 0292.3829632

Email: sokhcn@cantho.gov.vn

Website: https://sokhcn.cantho.gov.vn/

Số lượng in: 400 bản, Khổ: A5 (14,8 x 21cm) tại DNTN Như Cương, số 78 đường 30/4, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Giấy phép số: 324/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP. Cần Thơ cấp ngày 23/10/2026. In xong nộp lưu chiểu tháng 11/2026